

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HS-ST
Ngày 25- 11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Thanh Sơn;

+ Ông Nguyễn Văn Đang.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Thị S, sinh ngày 27/3/1989 tại tỉnh H; nơi cư trú: ngõ 79, đường Ng, phố H, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: đại lý bán xổ số; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hồng Qu và bà Nguyễn Thị L; có chồng, chưa có con; tiền án: không;

Tiền sự: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC ngày 20/12/2019 của Công an xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình xử phạt Trần Thị S 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 25/12/2019 Trần Thị S đã chấp hành xong quyết định xử phạt nêu trên.

Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 54/2020/HSST-LCĐKNCT ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh Phạm Xuân Đ, sinh năm 1980; trú tại: thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

- *Người chứng kiến:* ông Nguyễn Văn Kh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị S đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, chưa hết thời hiệu được coi chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Đầu năm 2020, Trần Thị S ký hợp đồng đại lý bán vé xổ số cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết Miền Bắc tỉnh Ninh Bình-chỉ nhánh Tam Điệp. Quá trình bán xổ số S tự đứng ra ghi bán số lô, số đề trái phép cho người mua qua đường để thu lời bất chính. S thống nhất với người mua: đối với số đề người mua 1.000 đồng, nếu trúng S phải trả 70.000 đồng; đối với số lô người mua 01 điểm giá 23.000 đồng, nếu trúng S phải trả 80.000 đồng; lấy kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng trong ngày làm căn cứ đối chiếu trả thưởng.

Chiều ngày 06/9/2020, Trần Thị S ngồi tại vỉa hè để bán vé xổ số Nhà nước và bán số lô, số đề trái phép. Từ 16 giờ đến trước 17 giờ 30 phút cùng ngày, S bán số lô, số đề cho 07 người không biết tên, tuổi, địa chỉ thu được tổng số tiền là 1.625.000 đồng; các số lô, số đề đã bán được S ghi vào 01 tờ giấy kẻ ngang ghi ngày 06/9/2020 để theo dõi trả thưởng.

Đến 17 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Xuân Đ đến hỏi mua số lô, số đề của S; S đồng ý bán cho Đ số lô 77 (40 điểm) với số tiền 920.000 đồng, số đề 77 với số tiền 80.000 đồng, tổng tiền là 1.000.000 đồng. S dùng 01 bút bi ghi vào 01 tờ giấy số lô 77 (40 điểm), số đề 77 với số tiền 88.000 đồng (S chiết khấu 10% và ghi thêm cho Đ 8.000 đồng số đề 77); sau đó S ghi lại số lô, số đề bán cho Đ vào 01 tờ giấy kẻ ngang đã ghi bán cho 07 người không quen biết trước đó để theo dõi trả thưởng rồi đưa tờ cấp cho Đ và nhận số tiền 1.000.000 đồng từ Đ. Tổ công tác Công an thành phố Tam Điệp kiểm tra phát hiện, thu giữ của Trần Thị S 01 tờ giấy kẻ ngang kích thước (25x17,4)cm, có ghi các số lô, số đề S bán cho người mua trong ngày 06/9/2020 trong đó có 01 số lô, 01 số đề S vừa bán cho Đ; số tiền 3.625.000 đồng trong đó có số tiền 1.000.000 đồng S vừa thu được từ bán số lô, số đề cho Đ; 01 bút bi vỏ màu vàng trắng, mực màu xanh; thu giữ của Phạm Xuân Đ 01 tờ giấy có ghi số lô, số đề S bán cho Đ.

Tại bản cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 26/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố Trần Thị S về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 và khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị S phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Trần Thị S từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không

giám giữ; khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Trần Thị S trong thời gian chấp hành hình phạt. Phạt tiền bổ sung bị cáo Trần Thị S từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: trả lại cho bị cáo Trần Thị S với số tiền là 992.000 đồng; tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.633.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy: 01 bút dạng bút bi có vỏ màu xanh. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, anh Phạm Xuân Đ trình bày: ngày 06/9/2020 anh đã mua số lô, số đề của Trần Thị S thì bị bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn Kh trình bày: ông chứng kiến công an lập biên bản đối với S và Đ vì họ có hành vi mua bán số lô, số đề với nhau.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi bị truy tố như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Điệp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản vi phạm hành chính và phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/9/2020 bị cáo Trần Thị S có hành vi bán số lô, số đề trái phép cho Phạm Xuân Đ với tổng số tiền là 1.008.000 đồng nhằm thu lợi bất chính.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo đánh bạc trái phép được thua bằng tiền trị giá dưới 5.000.000 đồng nhưng bị cáo đã bị xử phạt vi

phạm hành chính về hành vi đánh bạc, chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo cố ý bán số lô, số đề trái phép.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự thì “*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Như vậy hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị S đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc thấp, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ để giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo; giao bị cáo cho chính quyền địa phương là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự và khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc nhằm thu lời bất chính, do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với 01 tờ thông kê số lô, số đề đã thu giữ của Trần Thị S và 01 tờ cấp lô, đề đã thu giữ của Phạm Xuân Đ là tài liệu, chứng cứ đã được lưu trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đối với 01 bút bi đã qua sử dụng là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 3.625.000 đồng thu giữ của bị cáo; trong đó có số tiền 1.000.000 đồng là tiền Đ đưa cho bị cáo khi mua số lô, số đề; 1.625.000 đồng là tiền bị cáo bán cho khách đi đường, 1.000.000 đồng là tiền của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 06/9/2020 bị cáo S đã chiết khấu 10% và ghi thêm trên tờ giấy cho Đ 8.000 đồng đối với số đề 77. Tại phiên tòa, bị cáo trình bày số tiền 8.000 đồng nêu trên nằm trong số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo nên bị cáo xác định xin trích 8.000 đồng trong số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo để giao nộp lại. Như vậy, số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo, sau khi trích 8.000 đồng để giao nộp lại, còn lại 992.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo 992.000 đồng là phù hợp với điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng là tiền Đ đưa cho bị cáo khi mua số lô, số đề; 8.000 đồng bị cáo đã chiết khấu tiền hoa hồng và ghi thêm trên tờ giấy cho Đ; 1.625.000 đồng là tiền bị cáo bán cho khách đi đường đều là số tiền thu lời bất chính, tổng cộng 2.633.000 đồng nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Đối với Phạm Xuân Đ mua số lô, số đề trái phép của bị cáo với tổng số tiền 1.008.000 đồng, bản thân Đ chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc. Do đó Công an thành phố Tam Điệp đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Xuân Đ là đúng pháp luật.

Đối với khách mua số lô, số đề của bị cáo S ngày 06/9/2020 với tổng số tiền là 1.625.000 đồng. Bị cáo khai không quen biết tên, tuổi, địa chỉ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Thị S phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt: bị cáo **Trần Thị S 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Thị S cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo Trần Thị S có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo Trần Thị S phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Trần Thị S để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Trường hợp bị cáo Trần Thị S không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Trần Thị S 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

2. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.633.000 đồng (hai triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị S số tiền là 992.000 đồng (chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

(Số tiền nêu trên hiện đang trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, theo ủy nhiệm chi lập ngày 01/11/2020 giữa Công an thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bút bi vỏ màu vàng trắng, mực màu xanh (Chi tiết vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/11/2020 giữa Cơ quan cảnh

sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Trần Thị S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND TP. Tam Điệp: 02 bản.
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan Thi hành án hình sự Công an TP. Tam Điệp: 02 bản.
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Tam Điệp: 01 bản.
- Bị cáo: 01 bản;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; 01 bản.
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng: 03 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng